

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘ ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23-8-2024  
V/v: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hòa.

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Bà Trần Thị Bích Thủy

- Ông Nguyễn Văn Sanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2024/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa 10/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: KDC B, thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn [Lê Thị P](#) trình bày: Chị [P](#) và anh [Nguyễn Tấn T](#) đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại [UBND xã Đ, huyện M](#) vào ngày 09/02/2017. Trong quá trình chung sống với nhau sau khi kết hôn, giữa chị [P](#) và anh [T](#) nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Tình trạng mâu thuẫn kéo dài làm cho chị [P](#) và anh [T](#) căng thẳng mệt mỏi nên tháng 4 năm 2024 chị [P](#) và anh [T](#) đã sống ly thân. Nay giữa chị và anh [T](#) không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, chị [P](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh [Nguyễn Tấn T](#).

Về con chung: Có 01 con chung tên [Nguyễn Tấn H](#), sinh ngày 30/11/2019. Khi ly hôn chị [P](#) yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh [T](#) phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị [P](#) khai vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị [P](#) khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/5/2024, bị đơn [Nguyễn Tấn T](#) trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như chị [P](#) đã trình bày. Anh [T](#) thừa nhận quá trình chung sống giữa anh và chị [P](#) cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không gây gắt, anh hứa sẽ sửa đổi. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị [P](#), vì anh còn thương vợ con.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh [T](#) cũng yêu cầu được nuôi dưỡng con chung [Nguyễn Tấn H](#), sinh ngày 30/11/2019, không yêu cầu chị [P](#) cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: anh [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Lê Thị P](#); cho chị [Lê Thị P](#) được ly hôn anh [Nguyễn Tấn T](#);

+ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30/11/2019 cho chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra các đương sự chịu án phí dân sự theo quy định

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Lê Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn Nguyễn Tấn T. Trong vụ án này, bị đơn là anh T có địa chỉ nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nguyên đơn, bị đơn tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tấn T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn với nhau nhưng quá trình chung sống do tính cách không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay, theo chị P thì vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không nghiêm trọng và anh còn thương vợ, không muốn con phải sống thiếu tình cảm cha, mẹ nên không đồng ý ly hôn nhưng lại không có giải pháp, phương án khả thi để vợ chồng có thể hòa giải, khắc phục mâu thuẫn, tiếp tục chung sống với nhau. Đồng thời cũng bỏ mặc, không tham gia

hòa giải do Tòa án tiến hành, không tham gia phiên tòa giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên chị P về đoàn tụ chung sống cùng với anh T nhưng chị P không đồng ý và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, đã đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể nào sống chung với nhau được nữa. Nguyên đơn Lê Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Tấn T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng cho con:

Chị P và anh T có 01 (một) con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30/11/2019. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị P và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến hiện tại thì cháu Nguyễn Tấn H đang sống với chị P. Hiện tại, cháu H tuy đã đủ 36 tháng tuổi những vẫn còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển một cách toàn diện về mọi mặt thì cần thiết giao cháu Nguyễn Tấn H cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0003058 ngày 10/5/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P được ly hôn anh Nguyễn Tấn T.

1.2 Về con chung:

- Giao con chung là Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30/11/2019 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn T không phải cấp dưỡng cho con.

- Anh Nguyễn Tấn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tấn T không yêu cầu nên không xem xét

1.4 Về nợ chung: Chị Lê Thị P và anh Nguyễn Tấn T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí do chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0003058 ngày 10/5/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- **UBND xã Đức Minh;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hòa**